TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-ST
Ngày 18-11-2019.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hữu Phước.

2/ Ông Nguyễn Thành Công.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu - Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 267/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019. Về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Bé T, sinh năm 1958; Địa chỉ: ấp H T, xã T T Đ, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt có lý do).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Bé T là ông Huỳnh Thiên S, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp T X, xã T T, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long tham gia tố tụng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 6 năm 2019) (Có mặt).

Bị đơn: 1/ Ông Nghiêm Đại T1, sinh năm 1976. (Có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh năm 1980. (Vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T H, xã Đ M, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Bé T và tại bản khai, tại phiên hòa giải và tại phiên toà hôm nay ông Huỳnh Thiên S là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Bé T có lời trình bày như sau:

Vào ngày 27/11/2017, ông Nghiêm Đại T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ T2 có ghi biên nhận nợ cho ông Bé T là ông bà còn nợ ông Bé T số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng)* và hứa với ông Bé T là trong năm 2018 ông T1 và bà T2 sẽ trả hết số nợ này, đến ngày 25/9/2018, ông T1 và bà T2 có trả được cho ông Bé T số tiền là 10.000.000đồng *(Mười triệu đồng)* và từ đó đến nay ông T1, bà T2 không

còn trả thêm được số tiền nào khác. Ông Bé T đã nhiều lần đến gặp ông T1 và bà T2 để yêu cầu ông T1 bà T2 trả số tiền còn nợ là 140.000.000đồng *(Một trăm bốn mươi triệu đồng)*, nhưng ông T1, bà T2 cố tình hẹn lại và không trả cho đến nay.

Tại phiên Tòa hôm nay ông Huỳnh Thiên S là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Bé T yêu cầu ông Nghiêm Đại T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ T2 có nghĩa vụ trả cho ông Bé T số tiền còn nợ là 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng)* và tiền lãi tính từ ngày 02/01/2019dl đến ngày xét xử ông Bé Tư chỉ yêu cầu là 10 tháng tiền lãi với số tiền là 11.620.000đồng *(Mười một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).* Ngoài ra ông Bé T không có yêu cầu gì thêm.

Theo bản tự khai, tại phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nghiêm Đại T1 có lời trình bày như sau: Ông thừa nhận trước đây ông và bà T2 có thỏa thuận mua bán đất với ông Nguyễn Văn Bé T, ông mua đất của ông Bé T một nền với số tiền 250.000.000đồng *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)* và ông với bà T2 đã trả dần cho ông Bé T được số tiền là 110.000.000đồng (*Một trăm mười triệu đồng)* và hiện nay ông còn nợ ông Bé T số tiền là 140.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi triệu đồng)* chứ đây không phải là tiền vay. Sau đó ông với bà T2 thống nhất viết biên nhận nợ với ông Bé T và hiện ông Bé T đang giữ biên nhận này. Ông thừa nhận ông và bà T2 còn nợ số tiền chưa trả cho ông Bé T do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông xin trả dần. Tại phiên tòa hôm nay ông thừa nhận còn nợ tiền của ông Bé T số tiền là 140.000.000đồng *(Một trăm bốn mươi triệu đồng)* và đồng ý trả số tiền này cho ông Bé T, còn các khoản tiền lãi ông không thống nhất theo yêu cầu của ông Bé T. Do điều kiện kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, công việc làm ăn không còn thuận lợi nên ông xin trả dần mỗi tháng cho ông Bé T là 1.000.000đồng *(Một triệu đồng)* và trả cho đến khi hết số tiền còn nợ. Riêng phần hợp đồng chuyển nhượng đất thì ông với ông Bé T không có tranh chấp gì.

Theo bản tự khai của bà Nguyễn Thị Mỹ T2 trong quá trình giải quyết vụ án bà có lời trình bày như sau: Bà là vợ của ông Nghiêm Đại T1, bà thừa nhận trước đây có mua đất của ông Bé T và còn nợ ông Bé T số tiền 140.000.000đồng *(Một trăm bốn mươi triệu đồng),* bà là người viết biên nhận với ông Bé T và đến nay chưa trả số tiền cho ông Bé T do điều kiện kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, công việc làm ăn không còn thuận lợi nên bà xin trả dần số tiền nợ cho ông Bé T mỗi tháng là 1.000.000đồng *(Một triệu đồng)* và trả cho đến khi hết số tiền còn nợ.

Tại phiên Tòa bà Nguyễn Thị Mỹ T2 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ kiện nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày, các bên đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên kết luận trình tự thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng qui định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã

tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Mỹ T2 vắng mặt tại hòa giải và phiên tòa Phía Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà T2 và việc vắng mặt của bà T2 không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án. Vị đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Bé T. Buộc ông Nghiêm Đại T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ T2 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Bé T số tiền vay còn nợ là 140.000.000đồng *(Một trăm bốn mươi triệu đồng)* và tiền lãi tính từ ngày 02/01/2019 đến ngày xét xử 18/11/2019 là 10 tháng với số tiền 11.620.000đồng *(Mười một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)* và Vị đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ một phần về tiền lãi do ông Bé T tự nguyện rút lại một phần về yêu cầu tiền lãi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Ngoài ra Vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn Bé T là nguyên đơn vắng mặt có ủy quyền là đúng theo quy định. Bà Nguyễn Thị Mỹ T2 là bị đơn trong vụ án được Tòa án tống đạt hợp lệ, nhưng bà T2 vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Nguồn gốc của số tiền 140.000.000đồng là tiền từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà ông T1, bà T2 còn nợ lại ông Bé T, vào ngày 27/11/2017 ông T1 và bà T2 có ghi biên nhận nợ cho ông Bé T số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng)* và hứa với ông Bé T là trong năm 2018 ông T1 và bà T2 sẽ trả hết số tiền này cho ông Bé T, đến ngày 25/9/2018 ông T1 và bà T2 có trả được cho ông Bé T số tiền là 10.000.000đồng *(Mười triệu đồng),* còn nợ lại số tiền 140.000.000đồng và từ đó đến nay ông T1, bà T2 không còn trả thêm cho ông Bé T. Ông Bé T có nhiều lần đến gặp ông T1 và bà T2 để yêu cầu ông T1 bà T2 trả số tiền còn nợ là 140.000.000đồng *(Một trăm bốn mươi triệu đồng)*, nhưng ông T1, bà T2 cố tình hẹn lại và không trả cho đến nay. Nay ông Bé T yêu cầu ông T1 và bà T2 trả cho ông Bé T số tiền còn nợ là 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng),* và tiền lãi tính từ ngày 02/01/2019 đến ngày 18/11/2019 ông Bé T yêu cầu là 10 tháng. Ngoài ra ông Bé T không yêu cầu gì thêm. Xét thấy ông T1 và bà T2 còn nợ ông Bé T số tiền 140.000.000đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) các bên đương sự đều thừa nhận sự việc này đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Do đó ông Bé T yêu cầu ông T1, bà T2 trả số tiền là 140.000.000đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Hội đồng xét xử xét thấy việc ông T1, bà T2 nợ tiền của Bé T thì ông, bà phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho ông Bé T theo quy định, đó là trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật "*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương*

ứng với thời gian chậm trả" quy định tại khoản 1 điều 357 Bộ Luật dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay ông S là người đại diện cho ông Bé T yêu cầu ông T1, bà T2 có nghĩa vụ trả tiền lãi theo quy định của pháp luật là phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự"*, do đó lãi suất được tính cụ thể như sau: Từ ngày 02/01/2019 đến ngày 18/11/2019 ông Bé T yêu cầu tính lãi là 10 tháng (số tiền vốn 140.000.000đồng x 0.83%/tháng x 10 tháng = 11.620.000đồng *(Mười một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).*

Đình chỉ một phần về tiền lãi do ông Bé T tự nguyện rút lại một phần về yêu cầu tiền lãi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Vị kiểm sát viên là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 274, 280, 375, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Bé T.

2. Buộc ông Nghiêm Đại T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ T2 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Bé T số tiền còn nợ là 140.000.000đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng)* và tiền lãi là 11.620.000đồng *Mười một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).* Tổng cộng là 151.620.000đồng (*Một trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).*

3. Đình chỉ một phần về tiền lãi do ông Bé T tự nguyện rút lại một phần về yêu cầu tiền lãi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nghiêm Đại T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ T2 có nghĩa vụ nộp số tiền là 7.581.000 đồng *(Bảy triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng).*

- Ông Nguyễn Văn Bé T không phải nộp án phí và ông Bé T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 3.792.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0005213, ngày 28 tháng 8 năm 2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định tại Điều 174 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Trà Vinh;*
- *VKSND huyện, Tỉnh;*
- *THADS huyện C L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên)

Nguyễn Thị Liên